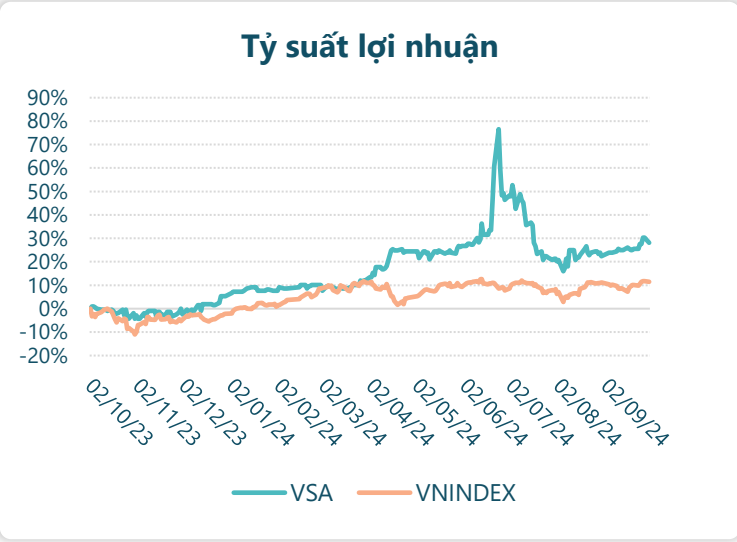


Ngày	24,100 VNĐ		
30/09/2024			
Thay đổi	1 tháng	3 tháng	6 tháng
	4.8%	-16.0%	13.0%

Sàn giao dịch	HNX
Khoảng giá 52 tuần	17,994 - 33,198
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	340
Số lượng CPLH (CP)	14,096,486
KLGD BQ 20 phiên (CP)	3,440
Sở hữu nước ngoài	2.9%
Beta	0.15
EPS	1,591
P/E	15.1



Doanh thu thuần
Q3/24

288

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 26.0 | 9.8%

YoY: ▲ 2.00 | 0.5%

Nợ/VCSH
Q3/24

95.2%

YoY: +/- ▲ 15.0%

LN gộp
Q3/24

20.9

tỷ VNĐ

QoQ: ▼3.30 | -13.7%

YoY: ▼2.20 | -9.5%

ROE (TTM)
Q3/24

6.4%

YoY: +/- ▼ 3.6%

LN trước thuế
Q3/24

2.36

tỷ VNĐ

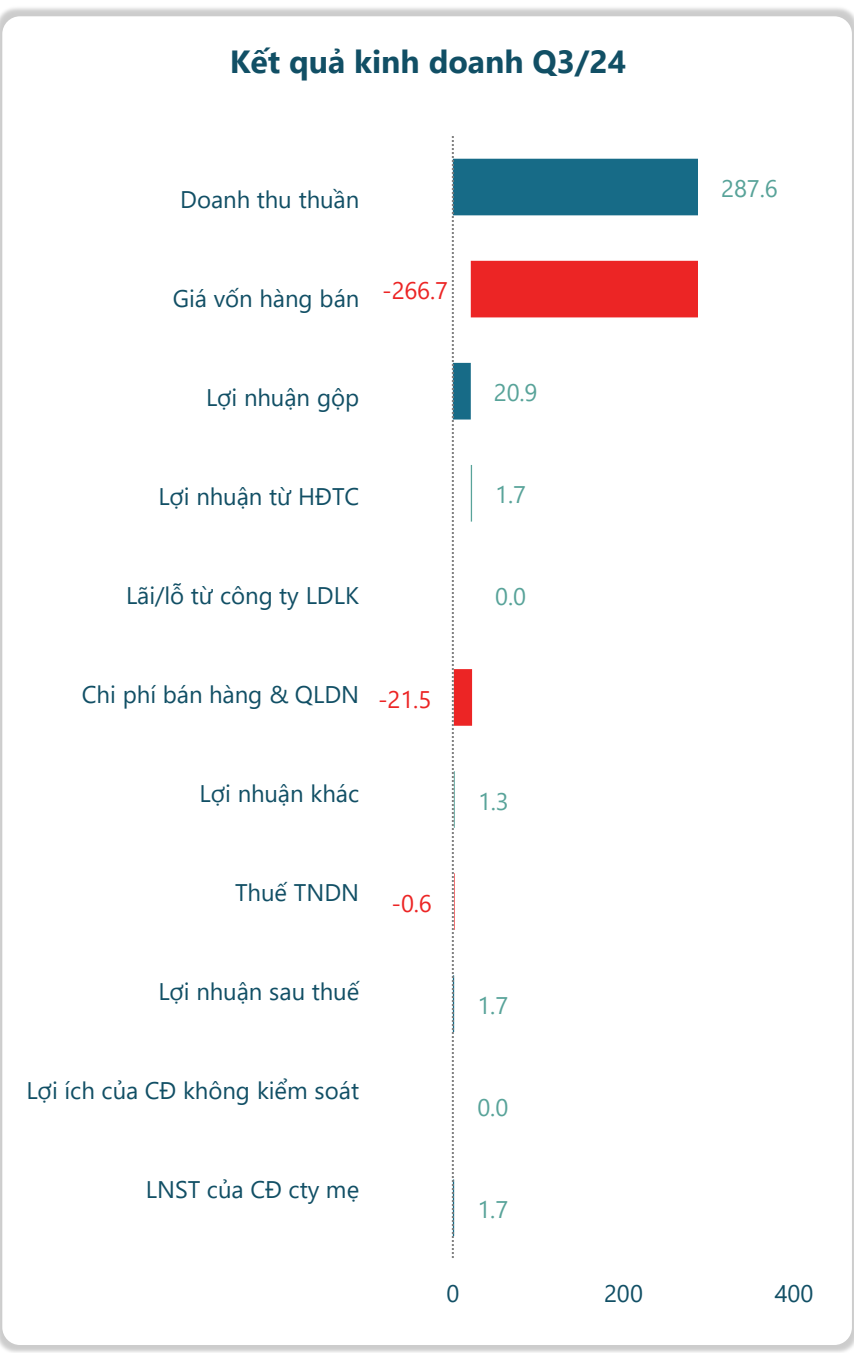
QoQ: ▼8.44 | -78.2%

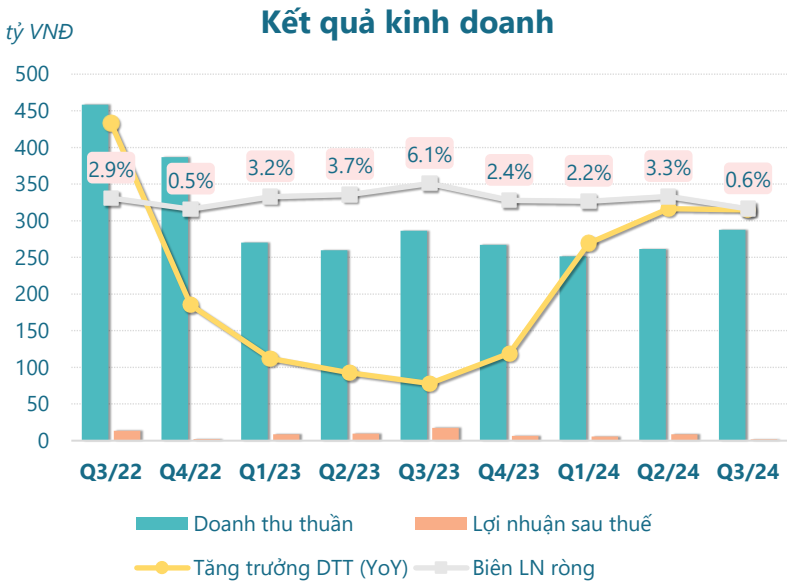
YoY: ▼19.7 | -89.3%

ROA (TTM)
Q3/24

3.4%

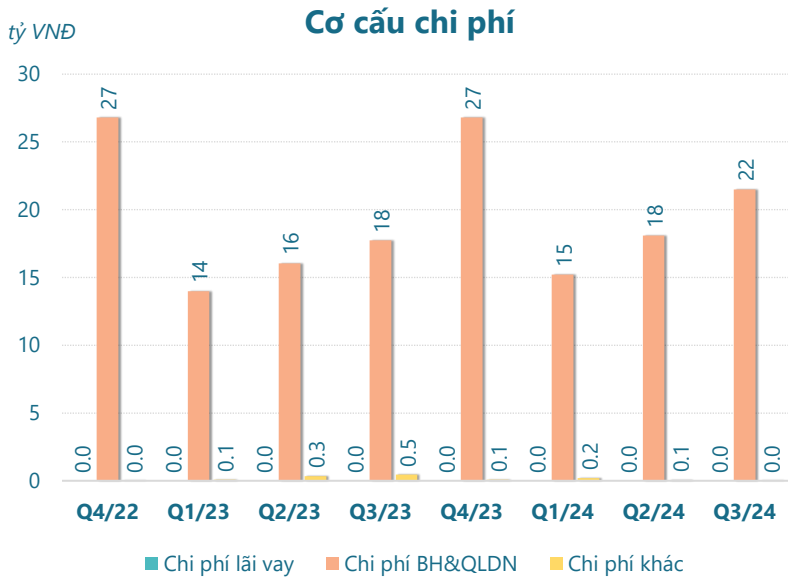
YoY: +/- ▼ 2.2%





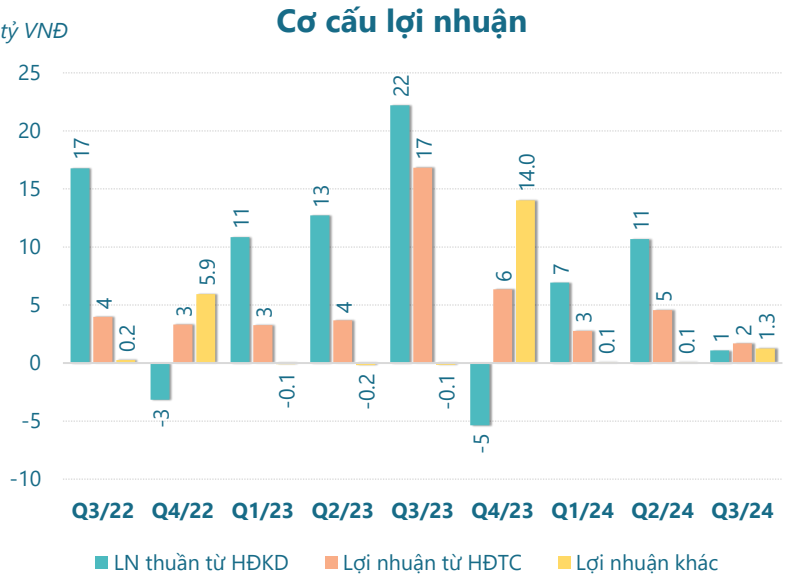
Tại quý III năm 2024, lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh ghi nhận **lãi 1.09 tỷ đồng**, giảm đi 89.8% so với kỳ trước và thấp hơn 95.1% so với cùng kỳ năm trước.

Lợi nhuận từ hoạt động tài chính **lãi 1.70 tỷ đồng**, giảm đi 62.7% so với kỳ trước và thấp hơn 89.9% so với cùng kỳ năm trước. Lợi nhuận khác **lãi 1.26 tỷ đồng**, tăng thêm 1475% so với kỳ trước và tăng thêm 1.41 tỷ đồng so với cùng kỳ năm trước.



Kết quả kinh doanh của **VSA** quý III năm 2024, doanh thu thuần đạt **287.6 tỷ đồng** tăng thêm **0.38%** so với cùng kỳ năm trước. Lợi nhuận sau thuế ghi nhận **lãi 1.71 tỷ đồng, giảm sút 90.3%** so với cùng kỳ năm trước.

Lũy kế 9 tháng đầu năm 2024, doanh thu thuần đạt **801.0 tỷ đồng** thấp hơn 1.96% so với cùng kỳ năm trước, lợi nhuận sau thuế ghi nhận **lãi 16.00 tỷ đồng** thấp hơn 55.6% so với cùng kỳ năm trước.



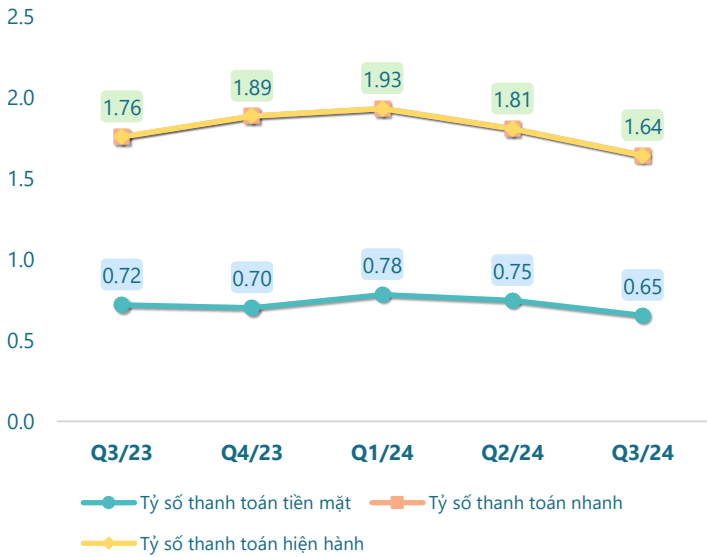
Tại quý III, chi phí lãi vay bằng **0.00 tỷ đồng** không đổi so với kỳ trước và bằng so với cùng kỳ năm trước.

Chi phí bán hàng và quản lý doanh nghiệp bằng **21.50 tỷ đồng** tăng thêm 18.9% so với kỳ trước và cao hơn 21.3% so với cùng kỳ năm trước.

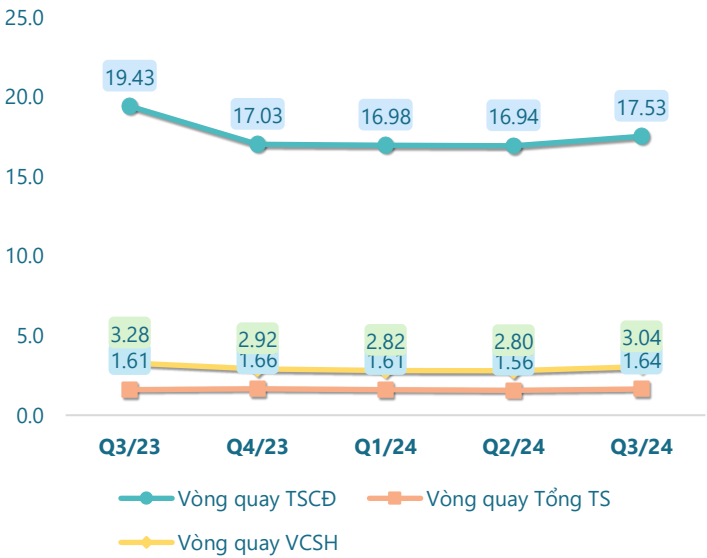
Chi phí khác bằng **0.01 tỷ đồng** giảm đi 83.3% so với kỳ trước và thấp hơn 97.8% so với cùng kỳ năm trước.

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q3/24	Q2/24	Thay đổi QoQ	Q3/23	Thay đổi YoY	9T 2024	9T 2023	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	288	262	9.8%	286	0.5%	801	817	-1.9%
Giá vốn hàng bán	267	237	12.5%	263	1.4%	736	747	-1.4%
Lợi nhuận gộp	20.9	24.2	-13.7%	23.1	-9.5%	64.5	69.8	-7.6%
Doanh thu HĐTC	3.49	5.27	-33.8%	17.2	-79.7%	11.8	25.7	-53.9%
Chi phí TC	1.79	0.72	148%	0.41	336%	2.81	1.94	44.6%
Chi phí lãi vay	0	0.00		0.00		0	0	
LN trong công ty LKLD	0	0.00		0.00		0	0	
Chi phí bán hàng	0	0.00		0.00		0	0	
Chi phí QLDN	21.5	18.1	18.8%	17.7	21.5%	54.8	47.7	14.8%
LN thuần từ HĐKD	1.09	10.7	-89.8%	22.2	-95.1%	18.7	45.8	-59.1%
Lợi nhuận khác	1.26	0.08	1481%	-0.15	943%	1.42	-0.42	441%
LN trước thuế	2.36	10.8	-78.2%	22.1	-89.3%	20.1	45.3	-55.6%
Lợi nhuận sau thuế	1.71	8.56	-80.0%	17.6	-90.3%	15.9	36.0	-55.8%
LNST của CĐ cty mẹ	1.71	8.56	-80.0%	17.6	-90.3%	15.9	36.0	-55.8%

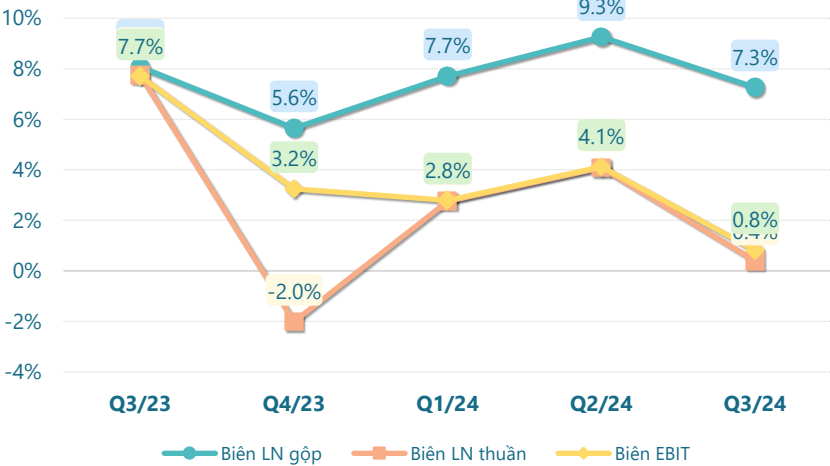
Chỉ số thanh khoản



Vòng quay tài sản



Biên lợi nhuận



Tỷ suất sinh lợi

